

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen**

(Tài liệu phục vụ Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013)

**1. Tình hình tài chính chung của LotusIMC**

Bảng dưới đây đưa ra các thông tin tóm tắt về tình hình tài chính vào ngày cuối năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của LotusIMC trong tương quan với ba năm liền trước:

**1. Tình hình tài chính tại thời điểm cuối năm:**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tiền & tương đương tiền	12,299	42,675	42,627	41,782
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn của khách hàng danh mục	0	26,439	65,119	71,591
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn của Công ty	1,500	1,819	3,067	1,379
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0	0	7,000
Các khoản phải thu	683	1,600	3,786	1,970
Tài sản lưu động khác	13,343	15,659	97	157
Tài sản cố định	422	499	600	715
<b>Tổng tài sản</b>	<b>28,247</b>	<b>88,691</b>	<b>115,296</b>	<b>124,594</b>
	<b>2012</b>	<b>2011</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Nợ ngắn hạn	1,789	1,025	2,674	3,991
Nợ dài hạn	186	60,396	85,850	97,718
Vốn điều lệ	25,000	25,000	25,000	25,000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	0	-7
Lợi nhuận giữ lại	1,272	2,270	1,772	-2,108
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>28,247</b>	<b>88,691</b>	<b>115,296</b>	<b>124,594</b>

Ghi chú: Năm 2012, việc hạch toán được thực hiện theo thông tư số 125/2011/TT-BTC theo đó số liệu liên quan đến khách hàng ủy thác được hạch toán ngoại bảng nên các chỉ tiêu tương ứng trên bảng tổng kết tài sản giảm đi so với các năm trước.

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>
<b>Doanh thu</b>	<b>9,834</b>	<b>11,474</b>	<b>9,349</b>	<b>5,195</b>
<u>Trong đó:</u>				
<i>DT từ phí QL Quỹ</i>	2,645	3,007	4,102	563
<i>DT từ phí QL Danh mục</i>	743	1,690	1,713	1,579
<i>DT từ phí thưởng</i>	59	1,404	454	1,267
<i>DT từ phí tư vấn</i>	1,750	1,533		
<i>Lãi tiền gửi</i>	1,498	2,750	2,454	1,354
<i>Cổ tức được nhận và Lãi từ kinh doanh chứng khoán</i>	11	110	4	56
<i>Chênh lệch tỷ giá ngoại hối</i>		63	128	14
<i>Phí rút trước hạn</i>	3	6	488	208
<i>Doanh thu khác</i>	3,127	909	6	154
	<b>2012</b>	<b>2011</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>	<i>(Triệu VND)</i>
<b>Chi phí</b>	<b>4,501</b>	<b>6,837</b>	<b>4,481</b>	<b>3,672</b>
<u>Trong đó:</u>				
<i>Chi phí hoạt động QLQ ĐTCK và CTY ĐTCK</i>	500			
<i>Chi phí hoạt động quản lý DMĐTCK</i>	800			
<i>Chi phí nhân viên</i>	2,503	2,889	2,339	1,682
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	77	96	116	228
<i>Chi phí tư vấn</i>		1,150	331	3
<i>Chi phí quảng cáo tiếp thị</i>		238	228	956
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	199	423	393	362
<i>Chi phí hoạt động khác</i>	676	759	581	601
<i>Lỗ đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán</i>	-255	1,283	493	-160
<b>Thu nhập trước thuế TNDN</b>	<b>5,333</b>	<b>4,637</b>	<b>4,868</b>	<b>1,523</b>
<b>Thuế TNDN</b>	<b>1,332</b>	<b>1,138</b>	<b>934</b>	<b>0</b>
<b>Thu nhập sau thuế</b>	<b>4,002</b>	<b>3,499</b>	<b>3,934</b>	<b>1,523</b>

## 2. Tình hình hoạt động của quỹ Lotus-Mekong River Equity Fund

Bảng dưới đây tóm tắt về tình hình hoạt động của quỹ kể từ ngày thành lập:

	28/12/2012	30/12/2011	31/12/2010	31/12/2009	5/11/2009
NAV trên một chứng chỉ quỹ theo JPY	7,562	5,352	8,349	10,571	10,000
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-24.38%</i>	<i>-46.48%</i>	<i>-16.51%</i>	<i>5.71%</i>	<i>0.00%</i>
NAV trên một chứng chỉ quỹ tương đương theo VND	1,830,550	1,456,327	2,001,198	2,114,623	1,977,457
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-7.43%</i>	<i>-26.35%</i>	<i>1.20%</i>	<i>6.94%</i>	<i>0.00%</i>
Số lượng chứng chỉ quỹ	185,346	187,716	241,177	226,911	215,000
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-13.79%</i>	<i>-12.69%</i>	<i>12.18%</i>	<i>5.54%</i>	<i>0.00%</i>
NAV của quỹ theo JPY	1,401,628,964	1,004,729,937	2,013,623,219	2,398,731,545	2,150,000,000
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-34.81%</i>	<i>-53.27%</i>	<i>-6.34%</i>	<i>11.57%</i>	<i>0.00%</i>
NAV của quỹ tính theo VND	339,295,319,293	273,395,901,224	482,651,778,284	479,842,277,455	425,153,252,917
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-20.19%</i>	<i>-35.69%</i>	<i>13.52%</i>	<i>12.86%</i>	<i>0.00%</i>

### Biến động tỉ giá và thị trường chung

	28/12/2012	30/12/2011	31/12/2010	31/12/2009	5/11/2009
VND-JPY	0.004131	0.003675	0.004172	0.004999	0.005057
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-18.31%</i>	<i>-27.33%</i>	<i>-17.50%</i>	<i>-1.15%</i>	<i>0.00%</i>
Vn-index	413.73	351.55	484.66	494.77	555.54
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-25.53%</i>	<i>-36.72%</i>	<i>-12.76%</i>	<i>-10.94%</i>	<i>0.00%</i>
Hnx-index	57.09	58.74	114.24	168.17	190.27
<i>% thay đổi so với ban đầu</i>	<i>-70.00%</i>	<i>-69.13%</i>	<i>-39.96%</i>	<i>-11.62%</i>	<i>0.00%</i>

Bảng trên cho thấy NAV của một chứng chỉ quỹ đến ngày cuối năm 2012 tính theo JPY đã giảm mạnh 24.38% so với ban đầu. Bảng trên cũng chỉ ra hai yếu tố quan trọng tạo nên điều này là việc VND mất giá 18.31% so với JPY và sự giảm giá chứng khoán của thị trường chung trong thời gian qua (Vn-index giảm 25.53% và Hnx-index giảm 70% so với ngày quỹ bắt đầu). Bên cạnh đó số lượng chứng chỉ quỹ đã giảm 13.79% so với ban đầu. Với tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam và tình hình hoạt động chung của các quỹ đầu tư vào Việt Nam, chúng tôi đánh giá cao sự ủng hộ, tin tưởng của các đối tác Nhật Bản và các nhà đầu tư. Chúng tôi đã và sẽ cố gắng hơn nữa để đáp lại những nỗ lực và niềm tin đó.

Mục tiêu của chúng tôi là cùng với thời gian thì khoảng cách giữa thành tích đầu tư cho quỹ cũng như khách hàng sử dụng dịch vụ quản lý danh mục đầu tư (LotusPIM) so với thị trường chung tính theo VND ngày càng được mở rộng.

### 3. Tình hình hoạt động của dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư (LotusPIM)

Bảng dưới đây thể hiện biến động về số lượng các hợp đồng:

	2012	2011	2010	2009
Tổng số HĐ Quản lý danh mục đầu tư tại thời điểm cuối năm	13	23	29	31
<i>Trong đó:</i>				
- Nhà đầu tư NN	7	10	10	14
- Nhà đầu tư TN	6	13	19	17

Về số tiền quản lý theo giá thị trường (AUM) được thể hiện như bảng dưới đây:

	2012	2011	2010	2009
AUM tại thời điểm cuối năm (triệu VND)	24,290	61,186	88,356	97,676

Chúng tôi lưu ý rằng do các hoạt động gửi tiền vào và rút tiền ra của các nhà đầu tư nên sự biến động AUM trên không thể hiện hiệu quả đầu tư.

### 4. Các mặt hoạt động chung của Công ty

Năm 2012 cũng như các năm trước đó kể từ ngày thành lập, Công ty luôn duy trì tỉ lệ vốn khả dụng đáp ứng theo qui định của luật hiện hành. Công ty cũng thực hiện báo cáo đầy đủ với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy Ban Giám sát Tài chính quốc gia và các cơ quan quản lý khác như theo yêu cầu luật định.

Ngoài ra năm 2012, Công ty đã đạt được một số tiến bộ sau:

- Sự phối hợp giữa các phòng ban trong Công ty tiếp tục được thực hiện tốt hơn trước cho dù khối lượng công việc gia tăng.
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng phòng ban, từng cá nhân tiếp tục được cải thiện nhờ thực tế công việc, học hỏi lẫn nhau, tham gia các khóa học và không ngừng cập nhật các văn bản pháp lý.
- Chất lượng dịch vụ khách hàng (báo cáo, phản hồi, ...) được duy trì và có phần nâng cao.

- Kinh nghiệm đầu tư tiếp tục được từng bước cải thiện do hiểu biết hơn về các doanh nghiệp, nền kinh tế và thị trường tài chính và học hỏi từ các đối tác.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hà nội, ngày 11 tháng 4 năm 2013

**T/M Ban Giám đốc**

Giám đốc  
Nguyễn Đức Tài